

Bản án số: 149/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Kha

Ông Nguyễn Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Ngô Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXX-ST ngày 10/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Văn H, sinh ngày 10/10/1988 (Vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Trần Thị K, sinh ngày 27/4/1990 (Vắng mặt)

Nơi thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam: thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Lê Văn H trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị K được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 10/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị K về nhà anh làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2022 chị K đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận, nhưng đến tháng 6/2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên không còn liên lạc với

nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Kể từ đó đến nay anh và chị K không ai quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Trần Thị K.

Về con chung: Anh và chị K có 02 con chung là cháu Lê Thị C, sinh ngày 02/3/2010 và cháu Lê Thị M, sinh ngày 21/11/2013. Hiện nay các con chung đang sinh sống cùng anh. Sau khi ly hôn anh đề nghị giao con chung cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị K là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 19/3/2024 và 04/4/2024, ông Trần Văn M là bố đẻ chị Trần Thị K cho biết.

Về hôn nhân của chị K, anh H ông cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị K về nhà anh H làm dâu và chung sống hòa thuận. Năm 2022 chị K đi lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan một thời gian thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Ông có khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn về ở với nhau để cùng chăm sóc con nhưng không được.

Về con chung: chị K, anh H có 02 con chung là cháu Lê Thị C, sinh ngày 02/3/2010 và cháu Lê Thị M, sinh ngày 21/11/2013. Hiện các cháu đang sinh sống cùng anh H.

Ngoài ra ông cho biết: Trước khi đi lao động tại Đài Loan chị K sinh sống cùng gia đình chồng tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Từ khi đi đến nay chưa về nước thăm gia đình lần nào. Sau khi sang Đài Loan chị K vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông đã thông báo cho chị K biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa anh H và chị K. Chị K cho biết: chị đồng ý ly hôn với anh H và đề nghị Tòa án giao cháu M cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, chị K không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, nơi ở và ý kiến bằng văn bản cho Tòa án được. Chị K đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Lê Văn H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Trần Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Lê Văn H; Biên bản làm việc với ông Trần Văn M là bố đẻ của chị Trần Thị K, biên bản lấy lời khai cháu C, M và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBT-VQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn H; xử:

Về hôn nhân: anh Lê Văn H được ly hôn chị Trần Thị K.

Về con chung: Do chị K hiện đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên sau khi ly hôn đề nghị Tòa án giao các con chung cho anh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Anh H khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung với chị K. Vì vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Công văn số 5663/QLXNC-P3 ngày 20/3/2024 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, chị K xuất cảnh gần nhất ngày 13/9/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, chị K được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, chị K là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và ông Trần Văn M (bố đẻ chị K) Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của chị K ở Việt Nam là: thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho chị K thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho chị K biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa anh Lê Văn H và chị Trần Thị K. Gia đình chị K cho biết chị K vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị K không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị K tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Trần Thị K kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Trần Thị K.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh H với chị K, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh H, chị K chung sống hòa thuận nhưng sau khi chị K đi lao động tại Đài Loan năm 2022 một thời gian thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Kể từ đó đến nay anh, chị không còn liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Mặc dù, trong thời gian mâu thuẫn anh, chị đã chủ động nói chuyện hàn gắn tình cảm và được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không được. Chị K hiện đang lao động tại nước ngoài, thông qua gia đình chị K cho biết chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với anh H. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị K, anh H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H với chị K là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về con chung: Anh H, chị K có 02 con chung là cháu Lê Thị C, sinh ngày 02/3/2010 và cháu Lê Thị M, sinh ngày 21/11/2013. Hiện các cháu đang

sinh sống cùng anh H. Sau ly hôn anh H đề nghị Tòa án giao các con chung cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị K thông qua gia đình có ý kiến đề nghị giao cháu M cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn.

Xét yêu cầu nuôi con chung sau ly hôn của anh H, chị K, Hội đồng xét xử thấy: Chị K hiện đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu giao cháu M cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, từ khi chị K đi lao động đến nay các con chung vẫn sinh sống ổn định cùng anh H, các con chung phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Ngoài ra, các con chung đều trên 07 tuổi đều có ý kiến muốn được sinh sống cùng bố nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy việc giao con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn sẽ đảm bảo hơn chị K. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao các con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với thực tế, phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn chị K có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp chị Trần Thị K có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ: Do anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị K đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của

Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Lê Văn H được ly hôn chị Trần Thị K.

2. Giao cháu Lê Thị C, sinh ngày 02/3/2010 và cháu Lê Thị M, sinh ngày 21/11/2013 cho anh Lê Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn chị K có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Văn H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001103 ngày 12/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Lê Văn H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Trần Thị K có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Xuân Lộc